

**Sức đề kháng của thị trường Việt Nam rất tốt**

Thị trường chịu sức ép giảm điểm trong bối cảnh các thị trường chứng khoán quốc tế giảm mạnh đặc biệt là thị trường Mỹ với mức giảm hơn 3% trong phiên giao dịch hôm qua kéo theo áp lực giảm của các thị trường Châu Á. Áp lực bán chỉ diễn ra trong phiên giao dịch mở cửa khiến các chỉ số và nhiều cổ phiếu giảm tương đối nhưng sau đó lực cầu duy trì tốt và sự hồi phục kéo dài tới cuối phiên giao dịch. Nhiều nhóm cổ phiếu tiếp tục phân hóa và diễn biến tích cực khi kết thúc phiên cho thấy mức độ đề kháng của thị trường Việt nam hiện khá tích cực so với thời điểm vài tháng trước đây. VNIndex đóng cửa ở 957.14 điểm giảm 1.7 điểm và VN30 đóng cửa ở 925.68 điểm giảm 1.78 điểm với thanh khoản toàn thị trường khi loại bỏ giao dịch thỏa thuận vẫn rất tốt khi đạt hơn 4.100 tỷ đồng

Nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng hầu hết đóng cửa tăng nhẹ mặc dù chịu sức ép giảm trong phiên sáng như BID; CTG; VCB; MBB; TCB; VPB; TPB...trong khi chỉ có ACB; STB; EIB; HDB điều chỉnh giảm nhẹ. Chúng tôi đánh giá nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng vẫn có diễn biến chung tích cực nhất và vẫn giữ vai trò hỗ trợ tâm lý chung cho chỉ số và dòng tiền. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán diễn biến yếu hơn khi đa số giảm điểm nhẹ như VCI; VND; MBS trong khi SSI tăng nhẹ và HCM; SHS đóng cửa ở tham chiếu. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí biến động trái chiều trong đó PLX; PVB; PVC tăng nhẹ OIL +3.4% trong khi GAS; PVS; PVD; giảm điểm. Các cổ phiếu vốn hóa lớn biến động trái chiều với VNM; VHM; SAB; GAS; VJC; NVL ...giảm điểm trong khi BVH; BID; HPG; VCB; CTG; TCB; MBB tăng nhẹ kìm hãm đà giảm. Số lượng cổ phiếu tăng điểm và giảm điểm cân bằng trong phiên hôm nay và thị trường vẫn có nhiều cổ phiếu tăng tích cực hơn mặt bằng chung tạo ra sự phân hóa và sôi động đáng kể như : NTC +5.1%; BVH +4.4%; VCG +4.4%; KBC +4.1%; PDR +4.2%; OIL +3.4%; QNS +2.1%...

Khối nhà đầu tư ngoại giao dịch ở quy mô trung bình và khối này mua bán cân bằng trong phiên hôm nay. Các cổ phiếu chịu áp lực bán ròng là HPG; VHM; PLX; HDB; NVL; SBT; ....trong khi đó ở chiều ngược lại các cổ phiếu được mua ròng như: VNM; VIC; VCB; STB; SSI; VRE; KBC...

Chúng tôi tiếp tục duy trì đánh giá tích cực cho phiên giao dịch hôm nay và xu hướng hồi phục ngắn hạn hiện tại. Mặc dù điểm số giảm nhẹ nhưng xét trong bối cảnh giảm sâu của các thị trường tài chính lớn thì phiên giao dịch cân bằng hôm nay tích cực hơn nhiều so với kỳ vọng của một phiên điều chỉnh. Hơn nữa, dòng tiền vẫn luân chuyển và tạo ra sự sôi động tích cực trong nội tại thị trường ngay cả trong các thời điểm chỉ số giảm sâu. Áp lực điều chỉnh cũng có thể còn tiếp diễn sang phiên giao dịch sau để các cổ phiếu tích lũy tạo mặt bằng giá mới nhưng xu hướng hồi phục vẫn sẽ là tăng với mục tiêu chúng tôi đặt ra là vùng 980 điểm của VNIndex. Các cơ hội mua mới đang dần ít đi do biên kỳ vọng hồi phục không lớn và giá các cổ phiếu đang tiến về gần vùng giá mục tiêu mà chúng tôi kỳ vọng nên chúng tôi vẫn bảo lưu quan điểm cơ hội mua ngắn hạn phần lớn đã qua đi và các phiên tăng điểm tiến về vùng 980 điểm là cơ hội tốt để bán giảm tỷ trọng cổ phiếu.

Thông kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	957.1	107.7
% Thay đổi	-0.18	0.33
Khối lượng	212.5	48.7
Giá trị (tỷ đồng)	4,834.5	697.8
Số mã tăng	141	90
Số mã giảm	142	66
Không thay đổi	89	217

Hàng hóa & Tiền tệ	Giá đóng cửa	%chg
Gold(USD/Oz)	1,237	-0.37
WTI Oil (\$/B) 1Mth	53	-0.06
Brent Oil (\$/B) 1Mth	62	-0.11
USDVND	23,305	-0.06
EURVND	26,419	0.00

Nguồn: Bloomberg

VNINDEX



HNX-INDEX



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.58	0.33%	15.88	3.76
Thực phẩm và đồ uống	19.07	-1.40%	26.76	7.43
Năng lượng	3.01	-0.01%	23.82	3.21
Tài chính	26.92	0.85%	17.19	2.45
Y tế	0.96	-0.58%	18.34	2.93
Công nghiệp	7.78	-0.22%	17.63	3.57
Công nghệ thông tin	0.99	-0.64%	8.98	2.21
Vật liệu và hóa chất	4.41	0.93%	11.30	1.61
Bất động sản	26.29	-0.45%	52.33	4.05
Dịch vụ tiện ích	7.40	-0.25%	14.16	3.81

HOSE					
Tăng mạnh nhất VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
ICF	1,530	100	7.0	540	0.000
HTT	2,300	150	7.0	2.49MLN	0.001
BIC	24,800	1,600	6.9	5,110	0.059
LM8	27,250	1,750	6.9	110	0.005
CDC	15,600	1,000	6.9	110	0.005

Giảm mạnh nhất VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
HLG	8,460	-630	-6.9	460	-0.009
KMR	3,630	-270	-6.9	818,050	-0.005
TDW	21,050	-1,550	-6.9	10	-0.004
TGG	5,170	-380	-6.9	971,580	-0.003
SSC	51,300	-3,700	-6.7	40	-0.017

HOSE					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
BVH	102,500	4,300	4.4	190,820	0.940
BID	33,850	450	1.4	2.57MLN	0.480
HPG	35,300	700	2.0	8.09MLN	0.464
CTG	24,100	200	0.8	5.06MLN	0.232
VCB	57,800	200	0.4	2.01MLN	0.225

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
VNM	133,000	-3,500	-2.6	1.11MLN	-1.902
VHM	80,700	-1,300	-1.6	384,670	-1.359
SAB	245,500	-2,500	-1.0	24,420	-0.500
VJC	131,400	-1,500	-1.1	554,870	-0.254
GAS	96,100	-400	-0.4	576,190	-0.239

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
MBB	22,200	200	0.9	12.89MLN	0.135
HPG	35,300	700	2.0	8.09MLN	0.464
STB	12,700	-100	-0.8	6.62MLN	-0.059
ITA	2,900	90	3.2	5.51MLN	0.026
CTG	24,100	200	0.8	5.06MLN	0.232

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,252.0	-0.48%	12.00	1.54	3,746.4
India	10,782.9	-0.80%	22.13	2.91	1,121.3
Indonesia	6,133.1	-0.32%	19.54	2.26	485.3
Laos	827.4	0.13%	4.79	0.29	1.1
Malaysia	1,688.3	-0.40%	19.30	1.75	257.1
Philippines	7,630.9	-0.95%	19.29	2.04	183.3
Taiwan	9,916.7	-1.65%	12.76	1.50	978.0
Thailand	1,672.3	-0.02%	15.35	1.97	519.7
<b>Vietnam</b>	<b>957.1</b>	<b>-0.18%</b>	<b>16.74</b>	<b>2.58</b>	<b>132.6</b>

HNX					
Tăng mạnh nhất VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
BII	1,100	100	10.0	12,300	0.000
HKT	2,200	200	10.0	52,100	0.000
MDC	5,500	500	10.0	100	0.000
PCT	8,800	800	10.0	100	0.000
QNC	3,300	300	10.0	200	0.000

Giảm mạnh nhất VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
NHP	800	-100	-11.1	19,700	0.000
SPI	800	-100	-11.1	83,400	0.000
SDU	8,100	-900	-10.0	4,100	0.000
STC	17,100	-1,900	-10.0	24,300	0.000
TJC	7,200	-800	-10.0	1,300	0.000

HNX					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
SHB	7,700	100	1.3	4.58MLN	0.105
VGC	17,700	300	1.7	2.84MLN	0.062
VCG	21,500	900	4.4	5.60MLN	0.061
DNP	15,000	1,000	7.1	5,100	0.045
CEO	13,900	400	3.0	2.60MLN	0.041

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
ACB	31,000	-100	-0.3	3.44MLN	-0.125
DGC	48,100	-1,900	-3.8	274,500	-0.084
PVS	20,100	-100	-0.5	6.05MLN	-0.024
VHL	27,600	-2,400	-8.0	1,500	-0.021
SHN	10,000	-100	-1.0	253,800	-0.011

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
PVS	20,100	-100	-0.5	6.05MLN	-0.024
VCG	21,500	900	4.4	5.60MLN	0.061
SHB	7,700	100	1.3	4.58MLN	0.105
ACB	31,000	-100	-0.3	3.44MLN	-0.125
VGC	17,700	300	1.7	2.84MLN	0.062

Nguồn: Bloomberg 05/12/18

**TIN VĨ MÔ**

**Tỷ giá trung tâm tăng 1,48% từ đầu năm** - Sáng 5/12, NHNN tiếp tục nâng tỷ giá thêm 2 đồng lên 22.757 đồng/USD, ghi nhận mức cao mới của tỷ giá trung tâm. Tỷ giá suốt tuần qua không giảm điểm, tăng 10 đồng so với cuối tuần trước. So với đầu năm, tỷ giá trung tâm đã tăng 332 đồng, tương đương mức tăng 1,48%. Định hướng của Chính phủ đề ra mục tiêu tỷ giá ổn định linh hoạt trong khoảng 2%. Với biên độ +/-3%, giá USD được phép giao dịch trong khoảng 22.074 – 23.440 đồng. Trên thị trường thế giới, chỉ số DXY đo sức mạnh đồng USD với rổ 6 tiền tệ lần thứ 4 trong tháng trở lại vượt mốc 97 điểm trong sáng nay và hiện giao dịch ở 97,08 điểm. Tỷ giá USD/CNY hồi phục nhẹ sau khi giảm sâu hai ngày trước do sự lên giá mạnh của đồng nhân dân tệ.

**TIN NGÀNH THÉP**

**WSA - Nhu cầu tiêu thụ thép sẽ chậm lại vì tranh chấp thương mại** - Hiệp hội Thép thế giới (WSA) nâng gấp đôi dự báo về tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ thép trong giai đoạn 2018 - 2019, nhưng vẫn cảnh báo những rủi ro liên quan đến căng thẳng thương mại. Tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ thép dự báo đạt 3,9% trong năm 2018, trước khi giảm về còn 1,4% trong năm 2019, Reuters trích thông báo của WSA trong đại hội thường niên ngày 16/10 tại Tokyo. Hai con số này đều gấp đôi với dự báo hồi tháng 4 của Hiệp hội. Theo WSA, tăng trưởng nhu cầu thép dự báo giảm dần do kinh tế thế giới phải đối mặt với rủi ro đến từ căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc và làn sóng rút vốn khỏi một số quốc gia như Indonesia. Trung Quốc vẫn là nước tiêu thụ thép lớn nhất thế giới. Nhu cầu của nước này dự báo tăng 6% trong năm nay lên 781 triệu tấn, và sẽ đi ngang vào năm 2019.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**HPG - Ước lãi 8.100 tỷ đồng lợi nhuận sau 11 tháng** - Chiều 4/12, Tập đoàn Hòa Phát (HPG) đã tổ chức buổi gặp mặt nhà đầu tư nhằm cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh doanh nghiệp. Ông Trần Đình Long – Chủ tịch Hòa Phát cho biết doanh thu 11 tháng đạt trên 50.000 tỷ, lợi nhuận đạt 8.100 tỷ sau thuế (kế hoạch 2018: doanh thu 55.000 tỷ đồng, LNST 8.050 tỷ đồng). Về khu liên hợp thép Dung Quất, ông Long cho biết khi hoàn thành vào năm 2020, sản lượng thép Hòa Phát sẽ tăng lên 5 triệu tấn. Kế hoạch xây dựng nhà máy hiện tương đối đúng tiến độ, dự kiến đến cuối quý 1, đầu quý 2/2019 lò cao số 1 sẽ đi vào hoạt động.

**VRE - Tăng vốn điều lệ lên gần 23.300 tỷ đồng** - CTCP Vincom Retail (HoSE: VRE) thông báo hoàn tất phát hành 427,7 triệu cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cp từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, từ ngày 16/11, vốn điều lệ của công ty tăng từ gần 19.011 tỷ đồng lên 23.288 tỷ đồng. Vốn điều lệ hiện nay của VRE đã vượt qua CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) (21.239 tỷ đồng), Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (19.139 tỷ đồng), và nhiều doanh nghiệp khác như VJC, HDB, STB... trong rổ VN30.

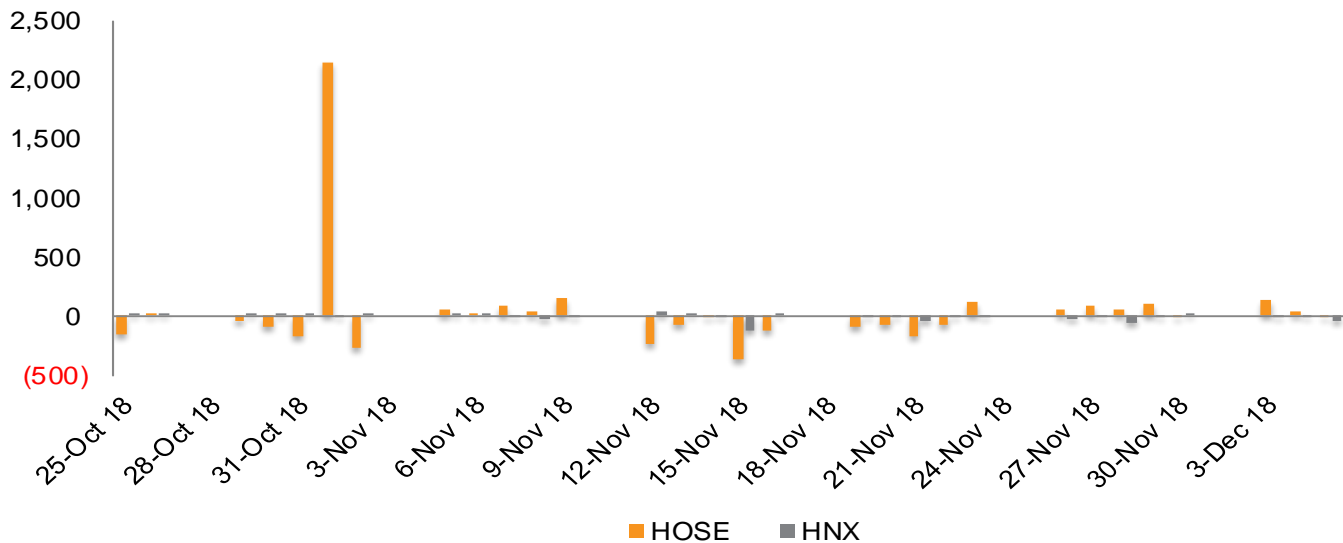
**NTC - Lấy ý kiến cổ đông về việc tạm ứng cổ tức năm 2018** - Danh sách cổ đông thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản sẽ được chốt vào ngày 13/12/2018 tới đây. KCN Nam Tân Uyên trình HĐQT thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền tỷ lệ 100%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận về 10.000 đồng. Đồng thời giao HĐQT chọn thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả.

**GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI**

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
<b>MUA</b>	13.2	0.6	<b>MUA</b>	554.4	9.1
% of market	6.3%	1.2%	% of market	11.9%	1.3%
<b>BÁN</b>	13.4	3.5	<b>BÁN</b>	568.0	46.0
% of market	6.4%	7.1%	% of market	12.1%	6.6%
<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>(0.19)</b>	<b>(2.9)</b>	<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>(13.5)</b>	<b>(36.8)</b>

Nguồn: HSX, HNX

**Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)**



**LŨY KẾ 2018**

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
<b>MUA</b>	4,387.8	404.7	<b>MUA</b>	251,163.5	7,406.4
% of market	9.5%	3.3%	% of market	19.8%	4.4%
<b>BÁN</b>	4,040.3	467.6	<b>BÁN</b>	210,171.8	8,477.3
% of market	8.8%	3.8%	% of market	16.6%	5.1%
<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>347.5</b>	<b>(62.9)</b>	<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>40,992</b>	<b>(1,070.9)</b>

Nguồn: HSX, HNX

**GIAO DỊCH KHỎI NGOÀI**

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
HPG	35,300	700	2.02	89.2	0.464
VNM	133,000	-3,500	-2.56	85.4	-1.902
VIC	102,100	100	0.10	73.5	0.100
VHM	80,700	-1,300	-1.59	46.0	-1.359
MSN	84,100	0	0.00	37.7	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
HPG	35,300	700	2.02	125.2	0.464	
VIC	102,100	100	0.10	60.6	0.100	
VHM	80,700	-1,300	-1.59	55.4	-1.359	
VNM	133,000	-3,500	-2.56	49.2	-1.902	
MSN	84,100	0	0.00	40.5	0.000	

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
VNM	133,000	-3,500	-2.56	36.2	-1.902	
STB	12,700	-100	-0.78	15.6	-0.059	
VIC	102,100	100	0.10	12.9	0.100	
VCB	57,800	200	0.35	12.8	0.225	
SSI	29,500	50	0.17	10.0	0.008	

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất (giá trị)						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
HPG	35,300	700	2.02	-36.1	0.464	
ANV	28,900	-100	-0.34	-10.0	-0.004	
HDB	31,200	-500	-1.58	-9.5	-0.153	
VHM	80,700	-1,300	-1.59	-9.4	-1.359	
VHC	102,000	-1,400	-1.35	-9.2	-0.040	

05/12/2018

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
PVS	20,100	1,100	-0.50	5.9	0.000
VGC	17,700	300	1.72	1.7	0.000
TTZ	7,500	600	8.70	0.6	0.000
CEO	13,900	400	2.96	0.1	0.000
LAS	11,500	100	0.88	0.1	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
PVS	20,100	-100	-0.50	34.5	0.000	
PGT	4,200	0	0.00	3.8	0.000	
VGC	17,700	300	1.72	1.6	0.000	
CSC	19,100	1,700	9.77	1.5	0.000	
HUT	4,200	0	0.00	1.4	0.000	

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
TTZ	7,500	600	8.70	0.6	0.000	
VGC	17,700	300	1.72	0.1	0.000	
LAS	11,500	100	0.88	0.1	0.000	
LHC	63,400	200	0.32	0.1	0.000	
CEO	13,900	400	2.96	0.0	0.000	

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất (giá trị)						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
PVS	20,100	-100	-0.50	-28.51	0.000	
PGT	4,200	0	0.00	-3.81	0.000	
CSC	19,100	1,700	9.77	-1.53	0.000	
HUT	4,200	0	0.00	-1.40	0.000	
TC6	5,600	400	7.69	-0.94	0.000	

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX



TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KLGDBQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	102,100	6.4	0.6	2.0	325,865	3,192	57.6	32.7	789,289	74.7	5.9	10.3	1.7
2 VHM	80,700	12.1	-4.8	-14.5	270,306	3,350	30.3	33.5	494,432	42.9	2.9	N/A	N/A
3 VNM	133,000	14.2	6.0	-9.8	231,609	1,741	46.2	40.8	993,006	26.6	9.1	35.2	29.5
4 VCB	57,800	2.3	-4.6	-1.4	207,951	3,598	22.9	9.2	1,167,120	17.2	3.4	20.9	1.3
5 GAS	96,100	-6.1	-4.0	-2.6	183,931	1,914	4.2	45.6	574,966	14.8	4.3	30.6	20.8
6 SAB	245,500	10.1	10.1	-0.8	157,435	641	10.4	39.2	44,433	35.6	9.5	28.5	20.3
7 BID	33,850	3.2	2.3	11.3	115,724	3,419	4.4	27.1	2,070,015	14.1	2.3	17.4	0.7
8 TCB	28,000	4.3	8.5	-12.5	97,905	3,497	81.8	0.0	1,279,692	9.9	2.0	25.4	3.2
9 MSN	84,100	-1.3	-9.6	-1.5	97,821	1,163	29.9	8.7	666,398	15.5	5.0	30.9	8.7
10 CTG	24,100	2.6	-7.5	-15.1	89,734	3,723	15.8	0.0	3,526,944	11.7	1.3	11.7	0.7
11 VRE	32,950	7.3	9.7	-10.9	76,735	2,329	100.0	17.5	1,413,654	51.0	2.9	5.7	5.6
12 HPG	35,300	-11.8	-8.5	-16.2	74,974	2,124	55.8	9.7	3,992,303	8.1	1.9	26.7	15.5
13 BVH	102,500	10.3	15.8	8.0	71,841	701	31.2	24.2	100,850	59.3	4.9	8.4	1.3
14 VJC	131,400	-3.1	-12.1	-8.9	71,168	542	53.2	6.3	579,529	13.9	6.7	67.1	19.7
15 PLX	60,800	-0.3	-9.3	-7.3	70,456	1,159	6.3	9.0	501,519	18.5	3.6	19.5	6.2
16 NVL	67,300	-3.7	5.8	29.2	61,072	907	31.1	41.8	319,639	28.4	3.5	14.2	3.8
17 VPB	22,500	6.1	-11.2	-26.3	55,277	2,457	74.0	0.0	3,431,428	8.0	1.8	26.9	2.5
18 MBB	22,200	1.6	-2.4	-13.2	47,962	2,160	61.1	0.0	4,645,579	9.4	1.5	17.4	1.6
19 MVG	88,800	6.3	1.8	6.8	38,219	430	85.2	0.0	532,058	13.7	4.7	41.2	13.1
20 HDB	31,200	-6.6	-15.7	-27.8	30,607	981	72.6	2.8	2,016,418	15.9	2.2	14.9	1.0
21 FPT	44,600	4.8	3.0	-6.7	27,365	614	81.7	0.0	519,014	8.4	2.3	28.9	11.3
22 STB	12,700	2.8	14.4	-1.6	22,906	1,804	94.0	11.1	4,431,107	17.1	1.0	5.8	0.3
23 ROS	36,100	-7.3	-11.2	-42.4	20,490	568	27.0	46.9	1,933,055	27.9	3.6	13.6	7.3
24 BHN	85,000	2.4	4.9	-21.9	19,703	232	0.9	31.4	559	30.6	5.2	17.3	6.7
25 TPB	26,400	6.7	-0.4	-10.2	17,578	666	74.4	0.2	389,614	15.4	2.3	15.9	0.8
26 EIB	13,750	0.4	-1.4	-11.0	16,905	1,229	83.8	0.1	1,378,434	12.5	1.1	9.4	0.9
27 PNJ	95,400	-3.1	-2.2	-20.1	15,468	162	69.0	0.0	330,764	17.6	4.6	30.0	19.2
28 SSI	29,500	2.1	-4.5	-11.9	14,726	499	76.7	41.7	1,990,895	10.2	1.6	15.8	7.1
29 HNG	16,500	10.4	-7.8	91.9	14,633	887	42.0	56.3	2,602,355	N/A	1.3	-7.3	-2.5
30 KDH	30,400	-2.4	1.8	-3.4	12,586	414	76.0	3.2	167,127	21.7	1.9	10.5	5.8
31 CTD	157,000	3.8	-4.3	0.6	12,277	78	86.9	5.0	75,181	7.8	1.5	21.1	11.6
32 DHG	84,000	1.2	-8.3	-27.0	10,983	131	22.1	50.9	94,743	20.8	3.7	18.3	14.6
33 GEX	26,050	0.2	-5.6	-9.3	10,591	407	68.5	36.7	1,031,600	10.3	1.9	22.3	6.9
34 REE	33,400	4.4	-4.0	-2.6	10,356	310	84.4	0.0	329,750	6.6	1.2	19.1	11.0
35 SBT	19,800	-7.9	5.3	25.7	9,809	495	40.5	88.9	2,822,746	22.8	1.6	11.3	4.3
36 VHC	102,000	5.2	28.6	68.9	9,415	92	37.8	62.0	281,419	7.7	2.5	37.4	22.7
37 DXG	25,500	-2.3	-5.4	-24.9	8,920	350	69.5	1.3	1,650,902	8.4	1.9	25.9	9.0
38 YEG	279,000	-1.1	24.4	N/A	8,727	31	93.2	54.7	11,404	112.8	21.8	29.0	11.6
39 GMD	28,600	3.6	7.3	2.1	8,492	297	60.8	0.0	1,234,459	4.5	1.5	30.8	18.1
40 DPM	21,200	12.8	21.8	17.1	8,296	391	40.2	27.7	532,351	14.2	1.0	8.1	5.9
41 VCI	49,950	-7.5	-16.3	-26.9	8,142	163	66.1	58.6	95,331	11.6	2.7	30.5	13.9
42 SCS	150,100	-0.9	-10.1	N/A	7,503	50	99.1	33.3	8,011	23.0	8.9	40.8	35.2
43 TCH	20,850	4.5	-26.6	-26.5	7,366	353	50.0	44.9	832,099	21.9	1.7	7.8	6.7
44 NT2	25,550	2.6	-2.9	-11.0	7,355	288	32.1	27.2	87,303	8.9	2.0	19.8	9.3
45 PDR	27,500	2.6	9.1	-10.6	7,326	266	37.8	43.2	1,127,516	14.2	2.3	18.3	5.1
46 HCM	56,200	-1.1	-5.5	-16.5	7,281	130	66.7	37.7	133,755	9.2	2.4	27.8	15.1
47 NLG	29,000	1.4	-3.3	-4.4	6,935	239	60.6	0.0	324,508	7.0	1.5	22.4	9.6
48 VPI	42,850	-1.5	2.0	N/A	6,856	160	100.0	39.3	252,248	10.0	3.7	38.8	13.1
49 LGC	35,300	37.6	22.4	78.3	6,808	193	N/A	4.0	14	41.5	2.6	6.5	1.7
50 KBC	13,850	12.6	17.4	9.5	6,506	470	75.4	30.6	1,814,554	12.3	0.7	6.2	3.3
51 CII	26,400	7.1	0.4	-5.9	6,460	245	84.8	15.5	669,526	79.5	1.3	1.7	0.4
52 PPC	19,750	9.1	9.1	14.8	6,332	321	24.7	34.4	260,723	6.4	1.1	17.0	12.3
53 PVD	16,500	-2.7	14.6	12.6	6,317	383	49.4	31.5	2,775,055	106.8	0.5	0.6	0.4
54 PAN	42,600	-7.8	-26.2	-33.2	5,794	136	47.6	53.9	39,994	25.1	1.6	6.4	2.7
55 HT1	14,750	13.5	18.5	21.9	5,628	382	20.0	43.6	258,434	9.2	1.1	12.2	5.4
56 DCM	10,250	7.0	2.0	-7.7	5,426	529	24.4	45.0	464,440	10.3	0.9	8.6	5.1
57 PME	68,400	-2.3	1.3	-3.5	5,131	75	99.0	38.0	6,057	15.8	3.2	19.3	16.0
58 FRT	75,000	5.6	-1.8	-15.8	5,100	68	92.4	0.4	16,393	18.1	6.4	42.9	6.8
59 KDC	24,550	-4.7	-19.8	-27.4	5,049	206	36.7	27.4	58,254	N/A	0.8	-1.2	-0.6
60 HAG	5,180	-0.4	-20.3	9.5	4,804	927	63.8	40.6	2,954,437	N/A	0.4	-2.5	-0.7

Nguồn: Bloomberg 05/12/18

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

## VNDIRECT SALES & TRADING

---

### Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : [phong.sale.trading@vndirect.com.vn](mailto:phong.sale.trading@vndirect.com.vn)

Website: <http://vndirect.com.vn>